

Phụ-trương bằng chữ Pháp.—Supplément en français

La mission civilisatrice de la France ⁽¹⁾

Cái thiên-chức khai-hóa của nước Pháp

Conférence donnée à l'École des Hautes Études sociales par M. ALBERT SARRAUT

(Bài diễn-thuyết của ông ALBERT SARRAUT ở trường Cao-dẳng Xã-hội-học)

II

Colonisation et Civilisation

Et voici que cette expression « politique civilisatrice » me conduit au cœur même du sujet que je dois traiter.

Car, enfin, vous l'avez sans doute remarqué, dans les considérations que j'ai formulées jusqu'à présent, il n'a été question que de l'utilité que la possession coloniale peut présenter pour les intérêts de la Métropole. Source de force ou de richesses, entrepôt de matières premières ou réservoir de contingents militaires, ou encore laboratoire d'études pour les définitions d'une politique d'influence française à l'extérieur, je n'ai paru considérer dans ce domaine complémentaire du patrimoine national que les avantages que nous pouvions en retirer.

Mais si la colonisation n'était vraiment que cela, s'il ne fallait l'envisager que sous l'aspect d'une opération égoïste, en somme unilatérale, en tous cas, ne supputant que les profits ou les bénéfices propres du colonisateur, n'y aurait-il pas un étrange abus de mots, une sorte de contradiction et même quelque audace cynique à parler de « notre mission civilisatrice » ?

Cette expression même, en effet, et ce beau mot de civilisation évoquent essentiellement une pensée d'altruisme, l'idée de donner, d'être utile à autrui, de lui porter les bienfaits, les avantages, les clartés d'un état social supérieur, les éléments de progrès et les facultés de mieux-être que la science ou le labeur du civili-

Khai thuộc-dịa và truyền văn-minh

Nhân nói đến « chính-sách khai-hóa », ấy chính là nhập-dề bài diễn-thuyết này.

Vì tôi tổng-luận từ nãy đến giờ, chắc các ngài đã nhận rằng chỉ nói đến sự lợi-ích của thuộc-dịa cho Mẫu-quốc mà thôi. Nói thuộc-dịa là cái kho tài-sản, là chỗ chứa vật-liệu cho công-nghệ, chứa binh-lính cho quân-dội, hay là cho thuộc-dịa là cái viện nghiên-cứu để thử các cách khuếch-trương thế-lực Đại-Pháp ra ngoài, toàn là chỉ xét thuộc-dịa có thể cung-cấp những sự lợi-ích gì cho Mẫu-quốc mà thôi.

Song nếu khai thuộc-dịa chỉ có thể mà thôi, chỉ chuyên-chủ về một cái phương-diện ích-kỷ như thế mà thôi, nghĩa là chỉ xét về một bề, lợi cho một nước có thuộc-dịa mà thôi, thì nói cái « thiên-chức khai-hóa của nước Pháp », chẳng là nói lạm lăm dư, chẳng là trái ngược mà cả gan ngạo-mạn lăm dư ?

Vì rằng chính cái tiếng « khai-hóa » đó là gọi ra một cái tư-trởng vị tha, cái tư-trởng làm lợi-ích cho người, đem những cái ơn-huệ của một xã-hội sáng-sủa thanh-cao hơn, đem những sự tiện-lợi của khoa-học cùng tài-trí người ta đã gây dựng ra, để cho những

(1) Xem Phụ-trương N. P. 97.

sateur a dégagés, et dont il veut faire profiter ceux qui n'ont pu ou su en créer, par eux-mêmes et pour eux-mêmes, la vertu salutaire. Civiliser, c'est enrichir *autrui*, et c'est enrichir du même coup la collectivité humaine dont cet *autrui* est une partie solidaire. Et dès lors, pourrions-nous prétendre que nous civilisons, au sens élevé du mot, si ce domaine colonial, nous l'exploitions pour notre seul profit, dans un dessein purement intéressé, donnant ainsi une force nouvelle à l'objection de principe depuis longtemps dressée contre le titre originel de colonisateur par ceux qui contestent la validité au moins morale de l'acte d'emprise ou de conquête accompli sur des pays lointains?

Cette objection est de celles auxquelles il faut s'arrêter. Car nous vivons en un temps où une révision sévère passe au crible toutes les idées ou tous les dogmes sur lesquels nous avons vécu. Une critique incessante, et d'ailleurs plus ou moins impartiale, remet en question bien des droits ou des vérités que l'on croyait à l'abri de toute atteinte.

La conquête coloniale, la colonisation, n'échappe pas à cette révision générale. Il lui faut à son tour justifier ses titres, prouver sa légitimité, vérifier la solidité du postulat de civilisation sur lequel elle prétend reposer. Je ne suis pas de ceux qui s'inquiètent pour elle d'une telle preuve ou qui la veulent éluder. J'ai toujours professé et déclaré, pour ma part, qu'un pays comme la France, où qu'il aille et qu'il agisse, doit pouvoir se dire qu'il reste partout fidèle à lui-même; il doit pouvoir regarder sa politique coloniale bien en face, sans avoir la gêne ou le remords d'une contradiction choquante entre ce qu'il fait au loin et ce qu'il fait dans sa métropole. Il doit, aussi, franchement envisager et accepter les conséquences logiques des principes en vertu desquels son action nationale, qui ne saurait avoir deux consciences, l'une pour le continent, l'autre pour les colonies, conduit l'entreprise dont la France a pris la responsabilité dans ses terres d'outre-mer.

người hoặc không thể, hoặc không biết tự gây dựng lấy được, cũng đều được hưởng cả. Khai-hóa là tăng-tiến cho *kẻ khác*, kẻ khác ấy là thuộc về nhân-loại, thời tức cũng là tăng-tiến cho cả nhân-loại. Như vậy thời nếu thuộc-địa của ta, ta chỉ biết lợi-dụng lấy một phần ta mà thôi, khiến cho những người xưa nay vẫn bài-bác sự chiếm-lĩnh đất nước ngoài cho là trái với đạo nghĩa, lại càng thêm có lẽ mà phản-đối cái danh-hiệu khai thuộc-địa, như thế có thật xứng-đáng cái thiên-chức khai-hóa cho người không?

Sự phản-đối đó, ta phải nên chú-ý. Vì đời nay là đời phải sát-hạch lại rất kỹ hết cả những tư-tưởng chủ-nghĩa cũ. Những điều trước vẫn cho là những quyền-chính đáng hay là những lẽ đích-xác, không thể xâm-phạm được, nay cũng phải đem ra phê-bình nghị-luận luôn, cách phê-bình đó công-bằng hay không bất luận.

Cái chủ-nghĩa chiếm thuộc-địa không thể không bị sát-hạch như thế. Chủ-nghĩa này tự xưng là lấy cái tôn-chỉ khai-hóa làm gốc, vậy thời phải chứng-minh, phải trình bày lẽ phải ra. Tôi không sợ sự sát-hạch đó có hại gì cho chủ-nghĩa ấy mà phải hiềm-tị. Về phần riêng tôi, tôi vẫn từng tuyên-bổ rằng một nước như nước Pháp, dù đi đâu, dù làm gì, cũng có thể tự-cao rằng không bao giờ sai cái bản-lĩnh của mình: phải có thể đem cái chính-sách thuộc-địa của mình đặt ngay trước mặt mà không đến nỗi phải hối, phải ngượng rằng cái cách xử với thuộc-địa với cái cách xử ở nhà hai đảng trái ngược nhau. Lại đã định theo cái chủ-nghĩa thế nào để chủ-trương sự hành-dộng ở các thuộc-địa ngoài-dương, sự hành-dộng này không thể đối với nước nhà một lòng, đối với thuộc-địa một lòng

Légitimité de la Colonisation.

Cette légitimation de l'action coloniale est d'une importance essentielle.

Car enfin, il faut tout de même, avant ou après, une base légitime à l'acte par lequel un pays plus civilisé, ou plus fort prend possession de territoires qui ne lui appartiennent pas. Laissons de côté des colonies où les populations se sont volontairement données à nous, ont demandé notre protection, notre tutelle, et signé avec nous des traités de protectorat ou d'annexion. A côté de ces pays, il en est d'autres où le colonisateur a agi de son seul pouvoir, par acte de conquête, et cet acte, s'il semble discutable devant la rigueur des principes théoriques, doit se justifier expressément par ses conséquences heureuses au regard de la conscience et de la morale humaines.

Ce colonisateur trouve, en effet, devant lui, les dogmatiques de l'abstrait, les raisonneurs de l'absolu, qui disent: « De quel droit avez-vous pris ces pays à ceux qui les possédaient par titre de premiers occupants, par la nature, la naissance et l'hérédité? Est-ce parce que vous étiez les plus forts, et que vous pouviez mettre une puissance supérieure au service de vos intérêts personnels, de vos égoïsmes nationaux? Mais alors, c'est le droit du plus fort que vous promulgez, et que vous dressez contre le droit de ceux qui furent plus faibles que vous? S'il en est ainsi, vous devez admettre par avance la légitimité de votre dépossession par de plus forts que vous, qui peuvent un jour apparaître. En tout cas, même si cela n'arrive pas, il est des pays, comme la France, à qui leur tradition démocratique interdit de bâtir même leur politique coloniale sur le seul fait de la force, du droit du plus fort. Vous n'avez pas le droit, vous, de continuer à détenir ces domaines ».

được, thời dẫu chủ-nghĩa ấy kết-quả đến thế nào cũng phải liệu trước mà công-nhận vậy.

Sự khai thuộc-địa là một sự chánh-dáng

Tìm cho ra cái lẽ chánh-dáng của sự hành-dộng ở thuộc-địa, ấy là một điều hệ-trọng đệ-nhất.

Vì rằng một nước giỏi hơn, mạnh hơn, đến chiếm lấy những đất nước không phải của mình, sự đó trước sau cũng phải có một cái lẽ gì chánh-dáng mới được. Hằng không nói những dân-tộc tự-nguyện đem mình về với ta, xin ta che-chở, ta dạy bảo cho, và cùng ta đã ký những điều-ước bảo-hộ, điều-ước kiêm-tính. Ngoài những xứ ấy, còn có xứ khác kẻ cường-quyền tự đến xâm-lược, sự xâm-lược này cứ lý thì có thể bài-bác, vậy cứ thực phải có kết-quả gì hay thời đối với lương-tâm nhân đạo mới khả-nguyên được.

Vì rằng kẻ đi lấy thuộc-địa thường bị phải thuận-lý, phải biện-thuyết bề rằng: « Đất nước của người ta vẫn ở xưa nay, cha truyền con nối, tạo-vật an-bài, các ông lấy quyền gì mà các ông đến cướp của người ta? Có phải là các ông mạnh hơn, các ông có quyền-thế để thi-hành cái bụng trục-lợi riêng cho nước các ông không? Nhưng mà thế thì ra các ông tuyên-bố cái quyền kẻ mạnh được bắt-nạt kẻ yếu hay sao? Nếu vậy thời các ông phải công-nhận trước rằng ngày nào có kẻ mạnh hơn các ông họ lại có quyền cướp lại của các ông. Dù thế nào mặc lòng, dẫu không có kẻ cướp lại nữa, một nước như nước Pháp đã có cái lịch-sử dân-chủ bình-dẳng, cũng không thể lấy cái cường-quyền mà làm gốc cho chính-sách thuộc-địa được. Các ông không có quyền được giữ những đất nước ấy. »

Ce raisonnement, à première vue, paraît d'une logique impressionnante. Mais, il a un défaut capital : celui d'être, dans le temps présent, un stérile anachronisme. Il aurait pu, avec exactitude, s'appliquer à la conception coloniale des temps passés. Il ne tient plus debout, aujourd'hui, devant notre œuvre coloniale, car il néglige la transformation profonde, fondamentale, qui a radicalement modifié le sens primitif de la colonisation : il méconnaît la rénovation doctrinale en vertu de laquelle le fait initial d'occupation de territoires exotiques a évoluant donné naissance à la notion actuelle des devoirs supérieurs du colonisateur, cependant que l'appropriation à caractère personnel, exclusif, étroitement intéressé, marque originelle de la conquête, s'est transformée en une conception plus haute et plus ample qui introduit l'idée de l'intérêt général de l'humanité dans le cadre limité de l'intérêt national.

Je veux serrer de près le raisonnement, car la question en vérité en vaut la peine, surtout dans le temps actuel.

Et d'abord, faisons un aveu. Ne rusions pas, ne trichons pas. Oui, la colonisation, à l'origine, est en effet entachée d'un vice capital ; elle est l'abus de la force, au profit d'un intérêt égoïste. Oui, il faut le reconnaître, il n'y a eu dès le premier jour de l'entreprise lointaine, nulle part, dans aucun pays, — et il n'en pouvait être autrement, — une conception nette et totale de politique coloniale digne de ce nom, sous l'inspiration d'un idéal élevé qui aurait, dès le début, trouvé son expression et ses formules précises, spécialement en ce qui touche l'œuvre de civilisation humaine.

Non, il n'y a pas eu cela. Il n'y a pas eu de doctrine, ni d'idéal. Il y a eu des faits ; il y a eu des prises de possession ou des installations d'établissements lointains, des faits de force, des faits de hasard ou de nécessité, accomplis plus ou moins arbitrairement, ou diplomatiquement, répondant aux besoins économiques des

Lời bài-bác ấy mới nghe rất là hợp lẽ. Nhưng mà có một cái khuyết-diểm to : là đời này không thích-hợp nữa. Đối với cái cách khai thuộc-địa đời xưa thì có lẽ là đúng. Đối với cái công khai thuộc-địa của ta ngày nay thì sai hẳn, vì không biết rằng cái nghĩa khai thuộc-địa từ xưa đến nay thay đổi đã nhiều lắm, không biết rằng theo chủ-nghĩa thuộc-địa bây giờ thời cái sự khởi ra chiếm đất phương xa dần dần đã gây ra một cái quan-niệm mới về nghĩa-vụ cao-thượng của kẻ khai thuộc-địa đối với người dân thuộc-địa, còn cái sự chiếm-cứ đất của người làm của mình là cái dấu xâm-lược cũ cũng đã dần dần biến-tính đi mà gây ra một cái tư-tưởng cao rộng hơn, đem cái lẽ lợi-ích chung cho cả nhân-loại sáp-nhập vào trong phạm-vi nhỏ hẹp của sự lợi-ích riêng cho một quốc gia.

Tôi muốn bàn kỹ về lẽ đó, vì vấn-đề này, nhất là về đời nay, nên phải giải cho đến nơi.

Trước nhất hăng nên thú thật một điều ; đừng mưu-mô, đừng giả-dối. Phải, cái chính-sách khai thuộc-địa lúc đầu có một cái vết xấu to : là lạm-dụng sức mạnh để mưu lấy cái lợi duy-kỷ. Phải, phải nên công-nhận rằng ngay từ ngày đầu mới đi lấy thuộc-địa, chưa thấy ở đâu, chưa có nước nào, — mà cái lẽ tự-nhiên như thế, — có một cái quan-niệm minh-bạch hoàn-toàn về chính-sách thuộc-địa cho xứng-dáng, theo một cái lý-tưởng cao-thượng ngay từ đầu đã diễn-thích tiêu-biểu ra rõ-ràng, thứ nhất là thuộc về cái công khai-hóa cho loài người.

Không, trước kia thật không có như thế, không có chủ-nghĩa, không có lý-tưởng gì cả, chỉ có sự thực mà thôi : sự xâm-chiếm, sự dựng dặt những cơ-sở ở phương xa, sự bạo-hành, sự ngẫu-nhiên hay sự yếu-cần, gặp đâu làm đấy, chẳng quản gì có hợp phép

nations ou à leurs calculs politiques, résultant surtout de cette impulsion instinctive, de cette loi inéluctable de découverte du monde, de recherche de richesses nouvelles, qui a poussé tels ou tels pays vers l'aventure lointaine pour leurs profits, leur développement ou leurs exigences vitales.

Et c'est pourquoi l'expansion extérieure à but mercantile ou à but politique — première forme de la colonisation —, s'est traduite d'abord dans le système rigoureux du pacte colonial, — dans cette conception de la colonie, propriété personnelle de la nation, domaine privilégié conquis par et pour la Métropole, pour ses besoins de débouchés, d'approvisionnements en denrées, d'escales ou de points d'appui.

Le point de vue qui domine cette conception est exclusivement utilitaire ; il détermine une politique de pure exploitation matérielle et au profit du seul colonisateur ; la colonie n'est qu'une annexe de la Métropole où cette dernière a simplement souci de faire fructifier un capital territorial, de créer ou de développer une richesse ou une valeur matérielle.

Il n'est point question encore, dans cette conception, d'un second élément qui sera, par la suite, et qui est devenu aujourd'hui, la caractéristique fondamentale de notre idéal de colonisation : je veux dire la conservation et l'accroissement du capital humain, de cette autre richesse, la richesse humaine, qui existe aussi dans la colonie, et dont le développement et la sauvegarde commandent actuellement ce que nous appelons notre politique indigène, en constituant au surplus l'argument le plus solide pour la légitimation de l'entreprise coloniale.

ngoại-giao hay không, để đối-phó với sự thiết-yếu về kinh-tế hay sự mưu-toan về chính-trị của các nước, phần nhiều là bởi cái khuynh-hướng tự-nhiên mạnh như một cái luật thiên-nhiên nó thúc-giục người ta phải đi mở-mang đất lạ, tìm-tòi của mới, khiến cho xứ này xứ nọ sinh ra cái bụng viễn-chinh để trục lợi, để bành-trướng thế-lực hay để tìm chỗ kiếm ăn.

Bởi thế nên cái chính-sách bành-trướng ra ngoài vì mục-đích trục-lợi hay vì mục-đích chính-trị, là cái trạng-thái thứ nhất của chủ-nghĩa khai thuộc-địa, lúc đầu đã tiêu-biểu ra một cái lối hẹp-hòi nghiêm-khắc gọi là « ước thuộc-địa », — theo ước này thời thuộc địa là của riêng của mẫu-quốc, mẫu-quốc lấy để lợi-dụng riêng cho mình hoặc để làm chỗ tiêu-thụ đồ hàng, hoặc làm chỗ cung-cấp tài-liệu, hoặc làm nơi đỗ tàu, hoặc làm đất căn-cứ.

Lối khai thuộc-địa như thế thì thuần duy-lợi cả ; chỉ có cái chính-sách lợi-dụng về đường vật-chất, mà lợi-dụng cho phần riêng kẻ có quyền mà thôi ; thuộc-địa như thế thì chỉ là một phần phụ-thuộc của mẫu-quốc như một cái tư-bản bằng thổ-địa mẫu-quốc chỉ chăm đặt lời, khai-khẩn như một cái nguồn lợi vật-chất vậy.

Trong cái chính-sách khai thuộc-địa đó, chưa hề thấy nói đến một cái nguyên-chất thứ nhì ngày nay đã thành ra phần cốt-yếu của cái chủ-nghĩa khai thuộc-địa của ta : nguyên-chất ấy là nhân-dân, cũng là một cái tư-bản, cũng là một cái nguồn lợi, cần phải bảo-tồn và phải tăng-tiến lên ; cái tư-bản bằng người đó ở thuộc-địa cũng có, mà giữ gìn mở-mang cho cái tư-bản ấy chính là phần cốt-yếu của cái chính-sách của ta đối với người thổ-dân, và cũng là cái lý cứng nhất, khiến cho sự khai thuộc-địa có cơ chánh-dáng.

Ce côté de la colonisation est au début généralement négligé. Ou plus exactement, le devoir humain à l'égard des populations coloniales ne procède d'aucune vision d'ensemble susceptible de porter ses hautes conséquences vers la solidarité des êtres vivants. Le devoir d'humanité n'est alors qu'un devoir de charité plus ou moins bien rempli, selon les traditions de chaque colonisateur. Mais presque partout, sinon partout, cette œuvre reste dominée par le dogme de l'inégalité des races, la double idée des races inférieures éternellement, et du droit éminent sur elles des races dites supérieures. Suivant le tempérament du conquérant, il y a, dans les colonies, des races en servage ou des races en tutelle: il y a, près d'elles, le négrier ou le bon tyran; ici j'aimerais à noter, pour l'honneur de mon pays comme aussi pour les droits de la vérité, que dès le début même de ses entreprises de colonisation, il apporte partout où il va, comme la marque ou le symbole de son génie, une tradition d'humanité et de justice qui participe à la fois du tempérament de la race, de l'esprit chrétien et de l'absence de préjugé de couleur. J'ai écrit un jour que notre politique indigène pouvait se définir: « La Déclaration des Droits de l'Homme interprétée par Saint Vincent de Paul ». Je pourrais n'outrer par de nombreux exemples comment cette tradition, qui est la base même de notre politique indigène actuelle, se maintient à travers les temps, et se retrouve aussi bien chez les auteurs français qui dès le XVI^e siècle, écrivent sur la question coloniale, que dans les instructions royales des XVII^e et XVIII^e siècles aux Gouverneurs des colonies, pour aboutir enfin aux actes de la République de 1848, proclamant la suppression de l'esclavage et l'assimilation des habitants de nos vieilles colonies aux citoyens de la Métropole.

Cái phương-diện khai thuộc-địa đó lúc mới đầu thường thường ít người chú-ý. Hay là nói cho đúng hơn thì cái nghĩa-vụ thuộc về nhân-dạo đối với các dân thuộc-địa không do một sự quan-niệm cai-quát hết cả, có thể kết quả đến sinh ra cái lòng liên-lạc với các sinh-dân trong thiên-hạ. Cái nghĩa vụ nhân-dạo bấy giờ chỉ là một tấm lòng từ-thiện, kể ít người nhiều, tùy cái tâm-lý của mỗi dân có thuộc-địa mà thôi. Nhưng mà đâu đâu cũng thế, chính-sách khai thuộc-địa cũng là căn-cứ ở một cái lý-tưởng như sau này, là cái lý-tưởng dân-tộc-bất-bình-dẳng, một bên thì có những giống người đời đời cứ kém hèn mãi, một bên thì có những giống người tài giỏi hơn, có quyền được sử dụng các giống người kia. Ở các thuộc-địa thì tùy cái tính-cách riêng của kẻ cường-quyền, người bản-dân chỉ hoặc là làm nô-lệ, hoặc là bị bảo-hộ; kẻ cường-quyền thì hoặc giữ cái chính-sách buôn người, hoặc giữ cái chính-sách chuyên-chế. Nói đến đây, tôi muốn tuyên-bố một điều như sau này, để cho tỏ-rạng danh-giá nước tôi và cũng để cho khỏi sai sự thực, là nước Pháp ta ngay từ khi mới bắt đầu đi khai thuộc-địa, đến đâu cũng không sai cái bản-linh nước nhà, không sai cái lịch-sử nhân-dạo công-nghĩa, bởi cái thiên-tính của chủng-tộc, bởi cái tinh-thần đạo Gia-tô, và cũng bởi người Pháp không có cái tính khinh-bí người dị-sắc. Tôi đã từng giải nghĩa cái chính-sách của nước ta đối với dân thuộc-địa bằng một câu như sau này: « Chính-sách ấy là gốc ở cái lòng công-bằng theo như trong lời Tuyên-ngôn Nhân-quyền, lại thêm cái lòng bác-ái theo như trong đạo *Saint Vincent de Paul* ». Cái lịch-sử ấy là gốc cái chính-sách nước Pháp đối với dân thuộc-địa, tôi có thể chứng ra nhiều việc tỏ rằng đời nào cũng vẫn thế, tự các nhà làm sách tự

Mais si cette tradition est infiniment précieuse, il est certain qu'elle ne se traduit pas aussitôt par une doctrine organique complète ; au surplus le problème des devoirs de la Métropole, déjà délicat tant qu'il ne s'agit que de petites colonies, change singulièrement d'aspect dès le jour où on arrive, à la fin du XIX^e siècle, après 1870, au stade de constitution des grandes possessions tropicales, où l'on va désormais contrôler d'immenses populations dont certaines ont elles-mêmes des traditions, une culture, des mœurs, des coutumes, une sorte de civilisation, et ne se présentent pas dans l'état amorphe de ces argiles malléables pouvant docilement prendre toute forme sous la main qui les pétrit.

(à suivre)

ALBERT SARRAUT

thế-kỷ thứ 16 nói về việc thuộc-địa, qua thế-kỷ thứ 17, 18 theo như những lời sắc-lệnh của vua gửi cho các tổng-dốc thuộc-địa, cho đến luật-lệnh của chính-phủ Dân-quốc năm 1848, tuyên-bố bãi cái tục mãi-nô và cho những người dân các thuộc địa cũ được sáp-nhập bằng-dẳng với công-dân Mẫ-u-quốc.

Cái lịch-sử ấy là hay và quý vô-cùng, nhưng chắc rằng lúc đầu chưa tổ-chức thành chủ-nghĩa hoàn-toàn ; vả lại cái vấn-đề về nghĩa-vụ của mẫ-u-quốc đối với các thuộc-địa nhỏ đã có điều khó thay, đến cuối thế-kỷ thứ 19, sau trận 1870, bấy giờ bắt đầu đi chinh-phục các thuộc-địa lớn về miền nhiệt-đái, là những đất thổ-dân rất nhiều, lại có dân đã có lịch sử, có văn-hóa, có phong-tục, có mọi lối văn-minh riêng, chứ không phải là vô-hình, vô-dạng như một đồng đất sét tay người muốn nặn ra thế nào cũng được đâu, đến bấy giờ thì cái vấn-đề nghĩa-vụ của mẫ-u-quốc thay đổi phương-diện đi hẳn.

(Còn nữa)

Morceaux choisis français

Traduits en annamite

(Dịch thơ văn tây)

A une passante

La rue assourdissante autour de moi
hurlait.
Longue, mince, en grand deuil, douleur
majestueuse,
Une femme passa, d'une main fastueuse
Soulevant, balançant le feston et l'ourlet,
Agile et noble, avec sa jambe de Statue.
Moi, je buvais, crispé ecomme un
extravagant,

Gửi người qua đường

Quanh phường-phố ồn-ào tấp-nập,
Bỗng thấy ai dáng-dấp mấn-mà.
Rõ-ràng mảnh mảnh bóng hoa,
Đại-tang thủ-hiếu dáng đà phục yêu.
Bàn tay ngọc mĩ-miêu xoay-sở,
Manh áo đào rực-rỡ đường theo.
Gót sen thoăn-thoắt yêu-kiều,
Khiểm ai dường cũng phải siêu vì tình.
Khóe thu-ba long-lanh đón gió,
Đạp nghiêng thành vì thú vì duyên.

Dans son œil, ciel livide où germe
l'ouragan,
La douleur qui fascine et le plaisir qui
tue.
Un éclair... puis la nuit! — Fugitive
beauté,
Dont le regard m'a fait soudainement
renaitre,
Ne te reverrai-je plus que dans
l'éternité?
Ailleurs, bien loin d'ici! trop tard! jamais
peut-être!
Car j'ignore où tu fuis, tu ne sais où
je vais,
Ô toi que j'eusse aimée, ô toi qui le
savais!

CHARLES BEAUDELAIRE.

La pluie

Il pleure dans mon cœur
Comme il pleut sur la ville;
Quel est cette langueur
Qui pénètre dans mon cœur?
O doux bruit de la pluie,
Par terre et sur les toits!
Pour un cœur qui s'ennuie,
Oh! le chant de la pluie!
Il pleure sans raison
Dans ce cœur qui s'écoeure.
Quoi? Nulle trahison.
Ce deuil est sans raison
C'est bien la pire peine
De ne savoir pourquoi
Sans amour et sans haine
Mon cœur a tant de peine.

VERLAINE

Le chêne et le roseau.

Le chêne un jour dit au roseau;
« — Vous avez bien sujet d'accuser la
nature;
Un roitelet pour vous est un pesant
fardeau:
Le moindre vent qui d'aventure
Fait rider la face de l'eau
Vous oblige à baisser la tête;

Bỗng mà phút đã xa tiên,
Đất đầy đêm tối hương nguyên lạnh
[khổng!
Hỡi Hoa-khôi, thấu lòng chẳng tá?
Vừa thấy nhau mà đã xa-xôi.
Bây giờ góc bề bên trời,
Bao giờ lại gặp được người hôm nay.
Cách nghìn trùng biết chầy hay
chẳng,
Một tấm lòng lắng-đắng vì ai.
Ai? Nào ta biết là ai!
Mà ai cũng chẳng biết người tình-chung;
Hỡi hoa-khôi, thấu lòng chẳng tá?
Vì ngày kia biết cả đôi bên,
... Non nước phải nguyên!
Phổ-uyên Vũ NGUYỄN-BÁC dịch.

Trời mưa

Ngoài hiên gió thổi mưa sầu,
Trong lòng buồn-bã lệ sầu chứa-chan.
Vì đau héo ruột khô gan,
Vì đau thồn-thức lòng tan nát lòng.
Ếm-dềm thánh-thót mưa đông,
Mưa kia có thấu nỗi lòng xót sa!
Lòng buồn gặp cảnh mưa sa,
Nhìn gần càng nghĩ nhìn xa càng sầu.
Sầu này duyên-cớ vì đau,
Vì đau gặp nỗi xót đau thế này!
Hay chẳng gặp lũ vô ân,
Phụ tình quên nghĩa bệnh căn sầu này!
Vì đau gặp nỗi đắng cay,
Không tình không oán sầu này bởi đau!
Nỗi sầu không gốc không nguồn,
Không nguồn không gốc nỗi buồn xót-sa,

Đ. Q. GIAO dịch.

Cây sên với cây lau

Một hôm sên nói cùng lau,
Rằng: « Mi đáng lý kêu-cầu Hóa-công;
« Bằng con chim chích mảy lông,
« Thì mi coi nặng bằng ông Không-lở.
« Gió hiu hơi gợn mặt hồ,
« Thì mi đã phải đồ xô xuống liền.

Cependant que mon front, au Cau-
case pareil,
Non content d'arrêter les rayons du
soleil,
Brave l'effort de la tempête.
Tout vous est aquilon, tout me sem-
ble zéphyr ;
Encore si vous naissiez à l'abri du
feuillage
Dont je couvre le voisinage,
Vous n'auriez tant à souffrir ;
Je vous défendrais de l'orage.
Mais vous naissez le plus souvent
Sur les humides bords des royaumes
du vent.
La nature envers vous me semble
bien injuste.
— Votre compassion, lui répondit
l'arbuste,
Part d'un bon naturel ; mais quittez
ce souci :
Les vents me sont moins qu'à vous
redoutables ;
Je plie et ne romps pas. Vous avez
jusqu'ici
Contre leurs coups épouvantables
Résisté sans courber le dos ;
Mais attendons la fin.»
Comme il disait ces mots,
Du bout de l'horizon accourt avec furie
Le plus terrible des enfants
Que le Nord eût portés jusque-là
dans ses flancs.
L'arbre tient bon, le roseau plie.
Le vent redouble ses efforts
Et fait si bien qu'il déracine
Celui de qui la tête au ciel était
voisine
Et dont les pieds touchaient à l'empire
des morts.

LA FONTAINE.

« Ta đây chót-vót thanh-thiên,
« Sánh cùng thượng-đỉnh cao-sơn kém
gì !
« Muốn chi che mặt trời đi,
« Chống cùng giông-tổ những khi phũ-
phàng.
« Cường-phong ta cũng coi thường,
« Thịnh-phong mi cũng coi dường cuồng-
phong.
« Vì bằng sinh-trưởng trong vòng,
« Ôm chân nấp bóng thì không nổi nào.
« Dù khi gió dật mưa rào,
« Có ta che-chở khi nào khổ thân.
« Bằng nay ở chốn phong trần,
« Bên trời góc bể gửi thân dài-dầu.
« Trách thay con tạo cơ-cầu,
« Xem dường như ở ra màu trọng khinh»
Lau rằng : « Trắc-ấn thực-tình,
« Song đừng nghĩ quân lo quanh thêm
phiền.
« Gió mưa, đây cũng bằng yên,
« Thân dù nghiêng ngã, gốc liền khôn lay.
« Còn mi từ trước đến nay,
« Gió rung chẳng chuyễn bão lay chẳng
rời.
« Rồi ra mới biết cơ trời,
« Đến cơn cả gió biết ai cứng mềm. »
Cho hay muốn sự tại thiên,
Lau vừa thoát nói bão liền nổi lên.
Ầm-ầm động-địa kinh-thiên,
Sên còn vững gốc, lau liền nghiêng cây.
Gió càng dật, bão càng lay,
Đề ai cả bóng cao cây đổ kèn !

NGUYỄN MẠNH-HỒNG dịch

La Rose

Quand le matin tu vois briller la rose,
Songe le soir qu'elle n'est plus,

Un seul moment de la beauté dispose;
On est toujours belle avec les vertus.

A mon habit

Ah! Mon habit, que je vous remercie!
Que je valus hier, grâce à votre valeur!
Je me reconnais; et, plus je m'apprécie,
Plus j'entrevois qu'il faut que mon tailleur

par une secrète magie,
Ait caché dans vos plis un talisman vain-
queur,

Capable de gagner et l'esprit et le cœur!
Dans ce cercle nombreux de bonne
compagnie,

Quels honneurs! Quels égards! Quel
accueil!

Auprès de la maîtresse, et dans un grand
fauteuil,

Je ne vis que des yeux, toujours prêts à
sourire,

J'eus le droit d'y parler et parler sans rien
dire,

Ce que je décidai fut le « nec plus ultra ».

On applaudit à tous, j'avais tant de génie!

Ah! Mon habit! que je vous remercie!

C'est vous qui me valez cela!

SEDAINE.

Hoa hồng

Hoa hồng trông thật mi-miêu,
Khoe hương buổi sớm buổi chiều còn
đâu,

Ngày xuân như nước qua cầu,
Mới hay đức-hạnh tặng màu phấn son!

Áo ơ!

Áo ơ! ta cảm ơn mày,
Vì mày danh-giá cả ngày hôm qua!
Riêng ta ta biết cùng ta:
Hình như bác thợ có tà-thuật chi.

Giấu trong đường chỉ phép gì,
Làm cho thêm nề thêm vì lòng ai,
Nhưng khi trong chỗ đông người,
Có người họ tiếp bằng mười lúc đưng!

Về-vang bao xiết kẻ cùng,
Ngồi bên « tri-kỷ », ngồi trong ghế bành!
Xung quanh nhiều mắt trông mình,

Ai ai xem cũng như hình mấn yêu.
Tự-do nói đủ mọi điều,
Nói sao cũng được mi-miêu dễ nghe!
Không ai bẻ-học điều gì,
Chẳng chi thất thổ chẳng chi sai-lầm!

Vỗ tay khen ngợi rầm-rầm,
Trông mình tú-khâu cầm-tâm phen này!

Áo ơ! Ta cảm ơn mày,
Có danh có giá vì mày áo ơ!

NGÔ LƯƠNG NGUYỄN DỊCH

Quelques livres nouveaux

Bulletin Bibliographique

Nous avons le plaisir d'informer nos lecteurs que par suite d'un arrangement que nous avons conclu avec l'Office Général du Livre, qui est une des principales maisons de librairie de Paris, nous pourrons dorénavant tenir nos lecteurs de temps en temps au courant des derniers livres parus. Voici quelques romans dont on parle actuellement.

Emile et les Autres (Le Bestiaire Sentimental, III), par Charles Derennes, 7 fr. 50.

Emile et les Autres forment le troisième volume de cette série si curieuse du *Bestiaire Sentimental*. Dans ses ouvrages antérieurs, *La Vie de Grillon* et *La Chauve-Souris*, l'auteur étudiait la psychologie animale, et par suite la psychologie humaine; dans ce dernier volume, Ch. Derennes rassemble les arguments éparés aux pages des études précédentes. C'est une véritable évolution dans le domaine des sciences naturelles. Ce livre est non seulement d'un observateur et d'un savant très averti, mais aussi d'un lettré de qualité rare.

Le Fardeau des Jours, par Léon Bocquet, 7 fr. 50.

C'est l'évocation émouvante de la vie des paysans revenus à leur village dans les régions libérées, après la grande guerre, l'existence d'une famille entière représentée jusqu'à la quatrième génération qui s'organise dans un milieu hostile; car une des jeunes filles a « fauté » avec un Allemand dont elle a eu une fille. Et s'ajoutant au fardeau des jours, l'indifférence phraseuse des pouvoirs publics. Enfin, après combien de misères endurées la famille reforme ses liens, la charité entre dans le cœur de ces pauvres gens dans le même temps que le village s'est reconstitué.

Madame Coude, par Henriette Waltz, 7 fr. 50.

L'histoire d'une jeune femme très pure trahie ignominieusement par son mari, qu'elle finit par abandonner en emmenant son fils unique. Mais celui-ci est bientôt enlevé par son père.

La jeune femme, sans ressources, doit se plier aux plus humbles besognes pour assurer son existence.

Elle trouve enfin un cœur compatissant en la personne d'un brave jeune homme qu'elle avait jadis connu et dont elle refait connaissance sur le paquebot qui de France la ramène en Algérie où elle va essayer de revoir son fils.

Hélas ! au moment même où, prête à l'amour, elle espère reconstruire sa vie, une torpille frappe le bateau — la guerre n'est pas terminée — et tous les passagers périssent.

Une Carrière d'amoureuse, par Alice Decaen, 7 fr. 50.

C'est la vie d'une très tendre amoureuse. L'héroïne, malgré ses pires défaillances, reste sympathique au lecteur. Marie Lise passe sa vie à chercher l'amour et à être le plus souvent déçue par cette recherche. Il y a une sorte de fatalité qui la pousse d'abord à s'éprendre du fiancé de sa meilleure amie, puis à l'épouser, ensuite à le

quitter, et bientôt passive, en quelques sorte, de son besoin d'amour, Marie-Lise finit par sombrer dans le milieu des passionnées de la cocaïne.

Notre-Dame des poulpes, par Georges Dubujadoux, 7 fr. 50.

Séduisant et beau, un jeune Italien à Venise fait la connaissance d'une jeune Française non moins séduisante et non moins belle, mais la Française revient dans son pays et le jeune Italien l'oublie vite pour une splendide et illustre tragédienne italienne au cœur cruel. Abandonné de celle-ci, l'Italien part se consoler à Paris : il y rencontre sa première amie. Tout irait bien si la tragédienne, malgré tout jalouse, ne venait se mettre entre les deux amoureux. La jeune Française, se sentant incapable de lutter contre les charmes de sa rivale, se sacrifie et se suicide.

La longue traverse, par S. E. White (traduit de l'anglais par Louis Boquet), Nouvelle collection Albin Michel, 3 fr. 75.

Histoire dramatique d'Indiens et de trappeurs au fond de la Baie d'Hudson. Le Maître de cette contrée, délégué d'une Compagnie puissante, a droit de vie et de mort sur ses subordonnés et sur tout trappeur indépendant chassant sur le territoire de la Compagnie. Un de ces derniers, capturé par ses hommes, est condamné par lui à la Longue Traverse, c'est-à-dire que ce trappeur sera abandonné avec quelques jours de vivres au milieu du désert glacé. Ce serait la mort certaine pour lui, si la fille même du chef ne le sauvait de ce péril.

La lumière qui s'éteint, par Rudyard Kipling (Collection des Maîtres de la Littérature Etrangère), 7 fr. 50.

Ce roman est pour beaucoup le chef-d'œuvre du grand écrivain, en raison de l'émotion intense qui se dégage du récit de

la vie de l'admirable héros du livre, un magnifique artiste dont les yeux, à la suite d'un coup de sabre, s'éteignent peu à peu.

En Angleterre, cet ouvrage s'est vendu à près d'un million d'exemplaires; en France, il en est à sa 32^e édition et son succès s'accroît chaque jour. Comme tous les grands livres, il a un caractère si universel qu'il peut être goûté indifféremment par les races anglo-saxonnes comme par les races latines. Ce roman enthousiasmera la jeunesse et aucun lecteur, si peu sensible soit-il, ne pourra le lire sans éprouver la plus délicate des émotions.

La Guerre en dentelles, par Georges d'Esparbès, 7 fr. 50.

D'admirables épisodes des héros de l'histoire de France. Les actions les plus nobles des plus émouvants de ces valeureux soldats de la Révolution et de l'Empire contés avec cette fougue endiablée, cet art si pittoresque et si émouvant de Georges d'Esparbès.

Monsieur, Madame et Bébé, par Gustave Droz. 7 fr. 50.

Est-il bien nécessaire de donner quelques notes d'explication sur ce chef-d'œuvre de Gustave Droz ? Ce roman a enchanté déjà des générations, son succès n'est pas près de s'éteindre.

Mademoiselle devenue Madame, se rappelant combien sa mère se délectait à la lecture de ce beau livre, désirera que le premier volume de sa bibliothèque de femme mariée soit « *Monsieur, Madame et Bébé* », et Monsieur lui-même n'en dédaignera pas la lecture, car il pourra en tirer des enseignements qui ne seront peut-être pas inutiles dans la conduite de son ménage. Il n'y aura que Bébé qui devra attendre sa majorité pour goûter comme il convient ce remarquable ouvrage, mais il n'y manquera certainement pas à ce moment.

Quand l'amour a passé, par Edouard de Keyser, 7 fr. 50.

Dans les merveilleux paysages du Liban, une passionnante aventure d'amour. Un voyageur français, arrivé depuis peu à Beyrouth, s'éprend bientôt, quoi qu'il fasse pour lutter contre un amour qu'il juge indigne de lui, de la plus singulière fille qui soit, et qui a su conserver par miracle un cœur sensible et pur, au milieu des vilénies et des bassesses d'une ville cosmopolite.

Le nouveau Machiavel, par H.-G. Wells, (Traduit de l'anglais par M^{lle} M. Rolland, 2 volumes) 15 francs.

C'est une autobiographie qui, commencée avec l'enfance, se poursuit jusqu'aux approches de l'âge mûr. Nous pénétrons au cœur de la vie politique anglaise, avec ses luttes courtoises tour à tour amenées par l'ambition personnelle et par l'amour du bien public. Mais il y a aussi une passionnante histoire d'amour : l'abandon par l'homme d'Etat de sa femme légitime, la fuite avec la jeune fille en qui il trouve un appui pour sa pensée, donnent à ce roman cet attrait singulier qui a valu déjà à Wells tant de succès en France.

Les Chansons de Bilitis — Traduites du grec, par Pierre Louys, 7 fr. 50.

Sous forme de petits poèmes en prose légers et harmonieux, l'auteur reconstruit la vie entière d'une jeune Hellène qui vivait au VI^e siècle avant Jésus-Christ. C'est d'abord la jeune fille insouciant, heureuse de vivre au milieu de cette nature splendide et dans cet élément sensuel dont le monde hellénique était pénétré. Puis ce sont les premières émotions amoureuses et sa vie de courtisane.

Le Soleil des Morts (Nouvelle Edition), par Camille Mauclair, 7 fr. 50.

L'action se passe dans les milieux intellectuels de la fin du XIX^e siècle. Le poète Calixte Armel vit isolé en compagnie de sa fille Sylvaine. Celle-ci est aimée d'un jeune rêveur, épris d'art ; mais une autre femme détourne bientôt l'attention du jeune homme. Et lorsqu'il voudra revenir vers elle, Sylvaine refusera, bien que l'aimant toujours, parce qu'il a renoncé aux idées de son père.

Madame ne veut pas d'enfant, par Clément Vautel, 7 fr. 50.

Paul Le Barrois, âgé de 39 ans et attaché à la Compagnie d'Assurances sur la Vie *La Tutélaire*, a épousé, après d'originales fiançailles, Elyane Parisot, jeune fille charmante et « très moderne ». Le soir du mariage, la mère d'Elyane a fait à Paul quelques recommandations et, entre autres, celle de ne point compliquer la vie de sa femme en lui donnant des enfants. « Elle a le droit de s'amuser », ajoute-t-elle. Le jeune ménage suit ce conseil et ne se refuse aucun plaisir. Mais Paul Le Barrois se lasse bientôt de cette vie et rêve d'un foyer tranquille et du repos familial. Comme il ne peut le trouver chez lui, il revoit une ancienne maîtresse dont les goûts « très bourgeois » s'accordent avec les siens. Elyane en conçoit des soupçons et se rend un jour, armée d'un minuscule revolver, chez sa rivale. Fort heureusement les choses tournent autrement qu'on aurait pu le craindre ; les deux femmes causent ensemble et Louise, la maîtresse de Paul, finit par convertir Elyane à l'idée qu'elle se fait du bonheur conjugal. Et l'histoire se termine par un voyage des époux loin de Paris, le retour et... la naissance d'un enfant.

Le célèbre auteur de *Mon Curé chez les Riches*, dont l'extraordinaire succès ne s'est pas un instant démenti, a écrit ici un roman amusant au plus haut point, où il dépense à loisir toute sa verve et sa bonne humeur. Par son bon sens et son esprit.

Clément Vaudel a immédiatement conquis le grand public. Son nouvel ouvrage plaira pour ces mêmes raisons.

Paroles d'un solitaire, par Louis De Robert, 7 fr. 50.

Un homme, dont la sensibilité est exaltée par la solitude, nous livre ses réflexions et ses souvenirs. Paroles quelquefois pleines de mélancolie, mais toujours riches de sens, qui nous révèlent quelques-uns des secrets de notre « vie intérieure ». « J'écris, dit

l'auteur, pour ceux que la vie, le mal ou l'amour ont blessés, pour ceux qui portent au côté gauche une langueur secrète et qui, comme moi, étendus dans un jardin, interrompent leur lecture ou leur rêverie pour mieux sentir, dans l'enveloppement doré d'une belle journée en septembre, ces douces influences qui veulent consoler. »

Ces notations successives sur des événements sans importance apparente gardent toujours un accent d'une exceptionnelle pureté (1).

(1) Pour recevoir *franco* un ou plusieurs des ouvrages ci-dessus mentionnés, il suffit d'ajouter aux prix marqués 20 % pour les frais de port et de recommandation. Ainsi par exemple, un ouvrage marqué 7,50 coûte *franco* 2 fr. Les livres arrivent à domicile, en paquets recommandés, sans aucun dérangement.

Outre les ouvrages que nous mentionnons, l'Office Général du Livre est à même de fournir et d'envoyer directement tous les ouvrages français, quels qu'ils soient (Littérature, Sciences, Livres de Médecine, Ouvrages classiques, etc.)

Pour les paiements, on peut se servir du mandat postal adressé à l'Office Général du Livre, 14 bis rue de Bagneux, Paris, 6.

Kính-cáo các bạn đọc báo

Các ngài mua *Nam-Phong* đến số nào là hết hạn, thì mỗi khi gửi báo đã đề rõ ngoài băng.

Khi gửi đến tập báo cuối cùng — đến tập ấy là hết hạn — thì ngoài băng lại có đóng dấu « Hạn báo của ngài số này là hết » và trong tập báo có cài sẵn một tờ « Giấy mua *Nam-Phong* » để tiện nhắc các ngài mua tiếp hạn khác.

Nếu bản-quán không nhận được *mandat* hoặc thư về việc mua tiếp hạn mới, tất là ngài không ưng mua nữa, vậy sẽ thôi gửi.

Mandat hoặc thư, xin gửi về M. LÊ-VĂN-PHÚC, 82, Rue du Chanvre, Hanoi.